

T, ngày 27 tháng 4 năm 2022

Số: 37/2022/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 09/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2022, giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Đặng Kim A, sinh năm 1992; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; chỗ ở hiện nay: Thôn Th, xã L, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc

- **Bị đơn:** Anh Phan Đăng S, sinh năm 1991; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc

Căn cứ Điều 147, Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 4 năm 2022.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 4 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Kim A và anh Phan Đăng S.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về nuôi con chung: Chị Đặng Kim A được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phan Hoài A1, sinh ngày 06/12/2017 (cháu A1 hiện đang ở cùng anh S). Anh Phan Đăng S được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phan Gia B, sinh ngày 09/12/2014 (cháu B hiện đang ở cùng anh S). Chị Đặng Kim A và anh Phan Đăng S không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản, công nợ, công sức: Chị Đặng Kim A và anh Phan Đăng S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Đặng Kim A tự nguyện chịu 150.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 6.550.000đ đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000123 ngày 05/01/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Hoàn trả chị Đặng Kim A số tiền 6.400.000đ tạm ứng án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

THẨM PHÁN

Đã ký

Mâu Văn Mùi